

Bản án số: 149/2019/DS-PT

Ngày: 20 – 11 – 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà 642/6, ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà 135/2, ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị A. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Thanh L. Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Văn H. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Phương T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-7-2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà có cho bà Trần Thị Phương T vay tiền 04 lần, cụ thể như sau: Ngày 11-02-2018, bà cho bà T vay 25.000.000 đồng; Ngày 25-02-2018, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng; Ngày 03-3-2018, bà cho bà T vay 5.000.000 đồng; Ngày 05-4-2018, bà cho bà T vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn mà bà cho bà T vay là 60.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, bà T có hứa khi nào vay được tiền của Ngân hàng thì sẽ trả tiền cho bà, việc vay tiền hai bên có làm giấy nợ. Sau khi vay, bà T không trả tiền vốn và cũng không đóng lãi cho bà. Đến tháng 5-2018 bà yêu cầu cơ quan của bà T giải quyết thì đến tháng 10-2018 bà T trả cho bà tiền vốn là 30.000.000 đồng và đóng lãi là 2.500.000 đồng, số tiền vốn còn lại là 30.000.000 đồng cho đến nay bà T vẫn chưa trả cho bà.

Nay bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền vốn là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Phương T trình bày:

Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền vốn là 30.000.000 đồng, lãi suất vay là 15%/tháng và hai bên có làm giấy nợ. Sau khi vay, bà đã đóng lãi cho bà N đến tháng 11-2018, việc đóng lãi chỉ có bà, bà N và có một lần bà đóng lãi cho ông Trần Văn G (Chồng bà N).

Nay bà đồng ý trả cho bà N số tiền vốn là 30.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Xử buộc Trần Thị Phương T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn là 30.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả khi thi hành án; án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 18-9-2019, bị đơn bà Trần Thị Phương T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm để làm rõ tình tiết bà N cho vay nặng lãi 15%/tháng và số tiền bà đóng lãi là 72.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn bà Trần Thị Phương T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và yêu cầu tính lại lãi suất để khấu trừ vào số tiền 72.000.000 đồng bà đã đóng lãi cho bà N, còn lại bao nhiêu thì bà sẽ trả cho bà N; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng

phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Phương T và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Phương T là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng bà Trần Thị A, bà Lê Thị Thanh L, ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vào năm 2018, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn bà Trần Thị Phương T có thỏa thuận với nhau về việc vay nợ, theo đó lần lượt vào các ngày 11-02-2018, 25-02-2018, 03-3-2018 và 05-4-2018 bà N có cho bà T vay tổng số tiền vốn là 60.000.000 đồng. Sau đó đến tháng 10-2018, bà T đã trả cho bà N số tiền vốn là 30.000.000 đồng và đóng lãi là 2.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 30.000.000 đồng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13-8-2019 (BL số 17), Biên bản hòa giải ngày 13-8-2019 (BL số 25), Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 04-9-2019 (BL số 40, 41) bà T đều thừa nhận các vấn đề nêu trên, thừa nhận việc bà T có ký tên vào giấy vay nợ số tiền 60.000.000 đồng mà bà N cung cấp cho Tòa án (BL số 21), thừa nhận việc bà T còn nợ bà N số tiền vốn là 30.000.000 đồng và cũng đồng ý trả toàn bộ số tiền vốn vay này, chỉ xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, yêu cầu được trả nợ dần của bà T không được bà N chấp nhận. Từ cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T trả cho bà N số tiền vốn vay 30.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm nhưng không nêu rõ yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng nào, tuy nhiên theo lời trình bày của bà T trong đơn kháng cáo thì bà T cho rằng đã đóng lãi cho bà N từ tháng 11-2017 đến tháng 8-2018 với số tiền lãi khoảng 72.000.000 đồng là nhiều hơn số tiền vốn vay 60.000.000 đồng, nên yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa bà T yêu cầu tính lại lãi suất để khấu trừ vào số tiền 72.000.000 đồng bà đã đóng lãi cho bà N, còn lại bao nhiêu thì bà sẽ trả cho bà N. Như vậy, nội dung kháng cáo của bà T được hiểu là yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng tính lại lãi suất, nếu số tiền lãi bà đóng thừa thì khấu trừ vào tiền vốn vay, còn lại bao nhiêu thì bà sẽ trả cho bà N.

[5] Việc bà T kháng cáo cho rằng bà T vay tiền và đóng lãi cho bà N từ thời điểm tháng 11-2017 cho đến tháng 8-2018 với số tiền lãi khoảng 72.000.000 đồng. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày từ một phía của bà T và không được bà N thừa nhận; hơn nữa bà T cũng thừa nhận việc đóng lãi không có giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng và

bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà đóng lãi cho bà N số tiền 72.000.000 đồng. Còn đối với việc bà T cho rằng bà N cho bà T vay lãi nặng với mức lãi suất 15%/tháng, thấy rằng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà T không chứng minh được có việc bà T vay tiền và đóng lãi cho bà N với mức lãi suất 15%/tháng và có đóng lãi với số tiền 72.000.000 đồng là không có căn cứ; còn việc những người mà bà T yêu cầu Tòa án xác minh bao gồm bà N, bà L, ông H; Tòa án đã triệu tập những người này nhưng họ không tham gia phiên tòa, Tòa án đã xác minh ông H, ông H xác định bà N cho vay 15%/tháng, nhưng ông không biết bà N cho bà T vay bao nhiêu phần trăm một tháng và cũng không biết bà T trả cho bà N số tiền lãi là bao nhiêu. Còn việc bà N có chuyên cho vay ở địa phương với mức lãi suất 15%/tháng hay không thì không có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án này, vì nó là mối quan hệ vay nợ giữa bà N với các chủ thể khác không liên quan đến thỏa thuận vay nợ giữa bà N với bà T mà Tòa án đang giải quyết trong vụ án này, việc bà N cho các chủ thể khác vay với mức lãi suất là bao nhiêu không phải là căn cứ để xác định chính xác mức lãi suất mà bà N đã cho bà T vay và số tiền bà T đã đóng cho bà N. Do đó, kháng cáo của bà T là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Phương T và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa, bà N yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền bà T còn thiếu bà từ khi ngưng đóng lãi đến khi xét xử. Tuy nhiên, khi khởi kiện bà N không yêu cầu tính lãi và sau khi xét xử sơ thẩm xong bà N cũng không có kháng cáo, nên yêu cầu này của bà N là vượt phạm vi khởi kiện ban đầu và không nằm trong phạm vi kháng cáo, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bị đơn bà Trần Thị Phương T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Phương T.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Trần Thị Phương T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).*

- *Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008721 ngày 25-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.*

3. **Án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Trần Thị Phương T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000867 ngày 18-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Thị Phương T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn